

Bản án số: 280/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Rành;
- Ông Huỳnh Công Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 669/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh C, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: Số C ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ tạm trú: Số D B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Phước H, sinh năm 1995; Địa chỉ tạm trú: Số D đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Minh C trình bày:

Bà và ông Trần Phước H qua tìm hiểu được 10 tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con; Đồng thời, ông H thường xuyên rượu chè không có điểm dừng trong khi kinh tế khó khăn. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông H nhưng ông H không thay đổi mà mọi chuyện ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn,

cả hai ít chia sẻ quan tâm nhau, dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn cãi vã kéo dài làm cho hai bên không còn tình cảm với nhau. Cả hai vẫn sống chung nhà nhưng đã li thân 02 năm nay. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang đến hạnh phúc nên bà **C** yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Phước H.**

Về con chung: Bà **Phạm Thị Minh C** xác nhận, quá trình chung sống bà và ông **Trần Phước H** có 01 (Một) con chung, họ tên là **Trần Phước T** (Giới tính: **N**), sinh ngày 12/11/2019. Hiện con chung đang sống cùng bà **C** và ông **H**. Sau khi ly hôn, bà **C** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Phạm Thị Minh C** xác định lại các yêu cầu như trên. Đồng thời bà **C** trình bày thêm: Từ khi ông **H** biết bà nộp đơn ly hôn và Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của bà đối với ông **H** thì ông **H** không những không thay đổi mà thậm chí còn thường xuyên đi đêm không về, ông **H** biết Tòa án hôm nay xét xử nhưng tối qua ông **H** vẫn đi đến sáng nay chưa về. Do sống trong phòng trọ có diện tích và không gian sinh hoạt nhỏ nên mỗi khi bà và ông **H** cãi vã thì con đều chứng kiến nên bà không muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của con chung. Không khí và cuộc sống gia đình ngày càng ngột ngạt làm bà mệt mỏi không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông **H**. Mặt khác, hôn nhân là cả hai vợ chồng cùng nhau vun đắp hạnh phúc nếu chỉ có một mình bà vun đắp thì không có ý nghĩa nên bà không đồng ý quay về đoàn tụ cùng ông **H** và đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông **H**.

Về phía bị đơn ông **Trần Phước H**, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông **H** đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông **H** không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

\* Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà **Phạm Thị Minh C** yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông **Trần Phước H** và ông **H** đang cư trú tại **Quận G**; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông **H** theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông **Trần Phước H** đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông **H** phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Minh C** và ông **Trần Phước H** tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2017. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2017 đăng ký ngày 13/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai có đủ cơ sở để xác định bà **C** và ông **H** là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Phước H** của bà **Phạm Thị Minh C**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **Trần Phước H** không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà **C**. Đồng thời, Tòa án cũng như Hội đồng xét xử đề nghị bà **C** cho ông **H** thêm cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cho con sống chung với cả cha và mẹ nhưng bà **C** không đồng ý, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông **H**. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà **C** về nguyên nhân mâu thuẫn làm căn cứ để giải quyết vụ án. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà **C** trình bày trong phần nội dung vụ án có căn cứ để xác định mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa bà **C** và ông **H** đã đến mức trầm trọng, cả hai đã li thân hơn 02 năm nay, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà **C** và ông **H** không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà **C** và ông **H** cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà **C** yêu cầu ly hôn với ông **H** là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 19, Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bà **C** có cơ sở xác định: trong quá trình sống chung bà **Phạm Thị Minh C** và ông **Trần Phước H** có 01 (Một) con chung, họ tên là **Trần Phước T** (Giới tính: **N**), sinh ngày 12/11/2019.

Bà **C** yêu cầu về nuôi con chung như sau: Sau khi ly hôn, bà **C** đề nghị chop bà **C** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện con chung đang sống với bà **C**, bà **C** đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định và tạo điều kiện cho trẻ phát triển hài hòa về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử giao trẻ **Trần Phước T** cho bà **Phạm Thị Minh C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Bà **Phạm Thị Minh C** tự nguyện không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà **Phạm Thị Minh C** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà **Phạm Thị Minh C** xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà **Phạm Thị Minh C** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Quyền kháng cáo: Bà **Phạm Thị Minh C** và ông **Trần Phước H** có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông **Trần Phước H**.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Phạm Thị Minh C** và ông **Trần Phước H** (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2017 đăng ký ngày 13/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai).

2.2. Về con chung: Bà **Phạm Thị Minh C** và ông **Trần Phước H** có 01 (Một) con chung, họ tên là **Trần Phước T** (Giới tính: N), sinh ngày 12/11/2019. Giao con chung là trẻ **Trần Phước T** cho bà **Phạm Thị Minh C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Phạm Thị Minh C** về việc không yêu cầu ông **Trần Phước H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Trần Phước H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà **Phạm Thị Minh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo: Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0037510 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000767749 ngày 07/11/2023, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại **Kho bạc nhà nước Q**, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 679/TB-TA ngày 07 tháng 11 năm 2023, Mã thông báo: RFGLV7PKYF. Bà **Phạm Thị Minh C** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**